

LUẬN A TỖ ĐẠT MA ĐẠI TỖ BÀ SA

QUYỂN 102

LUẬN VỀ THA TÂM TRÍ (Phần 4)

Hỏi: Vì sao Thời tâm giải thoát gọi là ái?

Đáp: A-la-hán Thời giải thoát, luôn luôn đối với pháp này ân cần giữ gìn-quý trọng cất giữ, đừng để cho mình gặp phải duyên lui sụt mất đi pháp này; như người một mắt tự mình và bạn bè thân thích thiết tha bảo vệ-yêu quý cất giữ, đừng để cho gặp phải các duyên lạnh-nóng-bụi bặm..., làm cho một mắt này lại phải hư hoại mất đi, A-la-hán kia cũng như vậy, cho nên gọi là ái. Nghĩa là người độn căn đối với công đức của mình lấy làm tánh yêu quý hơn hẳn người lợi căn; như những người phụ nữ đối với con cái của mình, bầm tít yêu thương hơn hẳn những người đàn ông.

Lại nữa, A-la-hán Thời giải thoát, đối với sự giải thoát của mình, chưa đạt được tự tại, sử dụng nhiều công lực mới có thể hiện rõ trước mắt, đã được hiện rõ trước mắt thì hoan hỷ quý trọng, cho nên gọi là ái. A-la-hán Bất thời giải thoát, đối với sự giải thoát của mình, đã được tự tại, sử dụng ít công lực thì có thể hiện rõ trước mắt, tuy được hiện rõ trước mắt mà không quá coi trọng, cho nên không gọi là ái.

Lại nữa, A-la-hán Thời giải thoát thì công đức có thể lui sụt, họ sợ lui sụt cho nên thường xuyên dấy khởi hiện rõ trước mắt, vì vậy gọi là ái. A-la-hán Bất thời giải thoát thì công đức không có lui sụt, không sợ lui sụt cho nên không thường xuyên hiện rõ trước mắt, vì vậy không gọi là ái.

Lại nữa, A-la-hán Thời giải thoát, do đạo của Tín tăng mạnh mà chứng, cho nên gọi là ái; A-la-hán Bất thời giải thoát, do đạo của Tuệ tăng mạnh mà chứng, cho nên không gọi là ái.

Lại nữa, A-la-hán Thời giải thoát, tánh nhiều điều hòa khéo léo-nhiều người yêu quý ưa thích, cho nên gọi là ái. A-la-hán Bất thời giải

thoát, tánh nhiều kiên quyết cứng rắn-người ta không yêu quý ưa thích, cho nên không gọi là ái. Như người thế gian bây giờ, người có tánh không sắc sảo, phần nhiều mềm mỏng khéo léo, mọi người thích gần gũi; người có tánh không chậm chạp, phần nhiều kiên quyết mạnh mẽ, mọi người không gần gũi được.

Lại nữa, A-la-hán Thời giải thoát, căn hiện không có chán ngán rời bỏ Thánh đạo, cho nên gọi là ái. A-la-hán Thời giải thoát, căn thiện có lúc chán ngán rời bỏ Thánh đạo, cho nên không gọi là ái. Căn thiện chán ngán rời bỏ Thánh đạo, đó là căn thiện tương ứng với Tam-ma-địa Không-Không, Vô nguyện, Vô tướng-Vô tướng. Văn của bản luận này tuy không hỏi-đáp, mà nghĩa thì có cho nên nay cần phải nói đến.

Hỏi: Vì sao Bất thời giải thoát gọi là Bất động?

Đáp: Bởi vì Thế thù thắng cho nên gọi là Bất động. Như ở thế gian hiện nay, ăn uống-áo quần-đồ vật trang nghiêm thù thắng thì gọi là Bất động, bởi vì không bị vật thua kém tùy theo quy cách mà chuyển đổi.

Lại nữa, các phiền não như tham... làm cho thân tâm các hữu tình nóng nảy tùy tiện, khiến các căn thiện sinh ra bị thúc đẩy ly tán, cho nên gọi là Động; A-la-hán Bất thời giải thoát không bị phiền não như vậy làm cho lay động, cho nên gọi là Bất động.

Lại nữa, các phiền não như tham... luôn luôn làm cho hữu tình không nhất định đối với các phần vị hơn-kém, cho nên gọi là Động; A-la-hán Bất thời giải thoát không bị phiền não như vậy làm cho lay động, cho nên gọi là Bất động. Như người khỏe mạnh không có đối thủ nào có thể làm lay động, thì gọi là người Bất động.

Lại nữa, A-la-hán Bất thời giải thoát, đối với các cộng đức chắc chắn không lui sụt mất đi, cho nên gọi là Bất động. Như người có sở trường về bắn tên, khi bắn thì nhất định trúng đích, cho nên gọi là Bất động.

Như trong kinh nói: “Đức Phật bảo với Xá-lợi-tử: Nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni..., thành tựu Bất động tâm giải thoát, là ngọc quý Ma-ni, thì có thể đoạn dứt pháp bất thiện, có thể tu tập pháp thiện.”

Hỏi: Vì sao Bất động tâm giải thoát, mà nói là ngọc quý Ma-ni?

Đáp: Bởi vì Bất động tâm giải thoát, là kiên cố vững vàng, thù thắng tuyệt vời, không có lỗi lầm, thấu suốt rõ ràng, không có vết bẩn, thanh tịnh hoàn toàn, khó mà đạt được, đáng yêu quý ưa thích, cho nên gọi là ngọc quý Ma-ni.

Lại nữa, bởi vì Bất động tâm giải thoát, có năng lực phá tan bóng đen của Vô minh, cho nên gọi là ngọc quý Ma-ni. Như dùng ngọc Ma-

ni sáng chói đặt vào trong ngôi nhà tối tăm, có thể phá tan bóng tối ấy, làm mọi vật được soi chiếu rõ ràng. Như vậy dùng ngọc quý Ma-ni của Bất động tâm giải thoát, đặt vào trong sự nối tiếp nhau, có năng lực phá tan bóng đen của Vô minh, làm mọi điều được soi chiếu rõ ràng.

Lại nữa, bởi vì Bất động tâm giải thoát, có năng lực trừ bỏ bụi bẩn của phiền não, cho nên gọi là ngọc quý Ma-ni. Như ngọc ma-ni làm nước trong xanh, đặt vào trong nước đục ngẫu thì nước liền lắng trong. Như vậy dùng ngọc quý Ma-ni của Bất động tâm giải thoát, đặt vào trong sự nối tiếp nhau, có năng lực trừ bỏ bụi bẩn của tất cả phiền não.

Lại nữa, bởi vì Bất động tâm giải thoát, khéo léo an trú cho nên gọi là ngọc quý Ma-ni. Như ngọc Ma-ni ở mọi nơi, hễ đặt vào nơi nào thì liền dễ dàng đứng yên. Như vậy dùng ngọc quý Ma-ni của Bất động tâm giải thoát, đặt vào trong sự nối tiếp nhau, thì khéo léo an trú, nhất định không có lui sụt mất đi.

Lại nữa, bởi vì Bất động tâm giải thoát, có năng lực trừ bỏ sự nghèo thiếu Thánh tài, cho nên gọi là ngọc quý Ma-ni. Như ngọc quý Ma-ni vô giá đặt vào trong ngôi nhà, có thể làm cho đầy đủ của cải châu báu, trừ bỏ những sự nghèo túng thiếu hụt. Như vậy dùng ngọc quý Ma-ni của Bất động tâm giải thoát, đặt vào trong sự nối tiếp nhau, có năng lực dẫn đến công đức của Thánh tài, trừ bỏ sự thiếu hụt công đức.

Lại nữa, bởi vì Bất động tâm giải thoát, có năng lực làm lợi ích cho các hữu tình, cho nên gọi là ngọc quý Ma-ni. Như viên ngọc Như ý đặt ở trên cột cao, tùy theo ý mà mình ưa thích, mưa xuống các vật quý báu để giúp cho trăm ngàn hữu tình nghèo túng thiếu thốn. Như vậy, Đức Thế Tôn dùng ngọc quý Ma-ni của Bất động tâm giải thoát, đặt ở trên vô lượng cột cao không phóng dật, tùy theo sự ưa thích sai biệt của các hữu tình, mưa xuống vật báu của Chánh pháp, có thể làm cho vô lượng vô biên hữu tình lìa xa sinh tử khổ đau mà đầy đủ căn thiện.

Bởi vì các loại nhân duyên như vậy, cho nên nói Bất động tâm giải thoát, gọi là ngọc quý Ma-ni.

Hỏi: Nếu Bất động tâm giải thoát có sự việc thù thắng như vậy, thì tại sao Đức Thế Tôn nói Bất động tâm giải thoát gọi là pháp không giảm-không tăng?

Đáp: Bởi vì người tu hành bình đẳng mà nói, nghĩa là nếu phương Đông có vô lượng người dòng Sát-đế-lợi, phương Nam có vô lượng người dòng Bà-la-môn, phương Tây có vô lượng người dòng Phệ-xá, phương Bắc có vô lượng người dòng Thú-đạt-la, đều trở về với Ta mà

cao bỏ râu tóc, khoác mặc Ca-sa, Chánh tín rời bỏ gia đình-hương về nơi không còn gia đình, thân tác chứng-an trú đầy đủ đối với Bất động tâm giải thoát. Hoặc là không vui, thì Bất động tâm giải thoát này cũng không giảm-không tăng.

Lại nữa, bởi vì dựa vào vô biên công đức của Thánh giáo mà nói, nghĩa là trong Thánh giáo có vô biên công đức, không phải là chỉ có Bất động tâm giải thoát, giả sử Bất động tâm giải thoát này có đi cũng không giảm-có đến cũng không tăng.

Lại nữa, bởi vì dựa vào vô biên công đức của Phật mà nói, nghĩa là trong thân Phật có vô biên công đức, không phải là chỉ có Bất động tâm giải thoát, giả sử Bất động tâm giải thoát có đi cũng không giảm-có đến cũng không tăng.

Lại nữa, bởi vì trừ bỏ sự nghi ngờ của mọi người cho nên nói ra như vậy, nghĩa là Đại Mục-kiền-liên vào đêm bố tát, đuổi Tỳ-kheo Chiêm-ba, khiến đi ra khỏi chúng. Lúc ấy có Tỳ-kheo sinh tâm nghi ngờ nghĩ rằng: Đừng làm cho Tỳ-kheo Tăng dẫn đến giảm bớt! Vì vậy Đức Thế Tôn nói: Giả sử công đức thù thắng trong chúng từng lâm, gạt bỏ ra khỏi Bất động tâm giải thoát, thì Tỳ-kheo Tăng của Ta cũng không có giảm đi, nếu người kia quay lại thì chúng cũng không tăng lên, huống hồ Tỳ-kheo kia phá giới-phạm vào luật cấm, làm hỏng các oai nghi-xa lìa pháp thanh tịnh, lẽ nào làm cho chúng thanh tịnh có giảm-có tăng hay sao?

Lại nữa, bởi vì Bất động tâm giải thoát, không có thể làm lui sụt cho nên nói là không giảm, không tiến lên mạnh hơn cho nên nói là không tăng. Vì vậy, Bất động tâm giải thoát tuy có sự việc thù thắng, mà Đức Phật nói là không giảm-không tăng.

Các Thời ái tâm giải thoát đều tương ứng với Tận trí chăng? Cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì muốn làm cho người nghi ngờ có được quyết định. Nghĩa là có người nghe nói A-la-hán Thời giải thoát chỉ tu Tận trí và Chánh kiến Vô học, liền nghi là A-la-hán Bất thời giải thoát cũng chỉ tu hai loại ấy. Lại có người nghe nói A-la-hán Bất thời giải thoát tu Tận trí-Vô sinh trí-Chánh kiến Vô học, liền nghi là A-la-hán Thời giải thoát cũng tu ba loại này. Muốn trừ bỏ sự nghi ngờ ấy mà hiển bày Thời giải thoát chỉ tu hai loại, Bất thời giải thoát tu đủ cả ba loại.

Lại nữa, trước đây tuy nói về tự tánh của hai loại giải thoát, mà chưa nói đến tướng xen tạp và không xen tạp ấy, nay cần phải nói đến,

cho nên soạn ra phần luận này.

Trong này, Thời giải thoát đối với Tận trí tương ứng có bốn câu phân biệt, Bất động tâm giải thoát đối với Vô sinh trí tương ứng, làm thuận theo câu sau đều như bản văn, nên biết.

Hỏi: Những A-la-hán nào chỉ tu hai Tuệ vô lậu và Tận trí và Chánh kiến Vô học? Những A-la-hán nào tu đầy đủ ba Tuệ vô lậu và Tận trí-Vô sinh trí và Chánh kiến Vô học?

Đáp: Có A-la-hán tâm khéo léo giải thoát chứ không phải là tuệ khéo giải thoát, có A-la-hán tâm và tuệ đều khéo léo giải thoát; trước chỉ tu hai loại, sau tu đầy đủ ba loại. Lại nữa, có A-la-hán do lực của nhân-lực của gia hạnh-lực của không phóng dật đều nhỏ hẹp, có A-la-hán thì lực của nhân-lực của gia hạnh-lực của không phóng dật đều rộng lớn; trước chỉ tu hai loại, sau tu đầy đủ ba loại. Lại nữa, có A-la-hán là hành Xa-ma-tha, có A-la-hán là hành Tỳ-bát-xá-na; trước chỉ tu hai loại, sau tu đầy đủ ba loại.

Như hai Hành, hai Lạc-hai Dục-hai Ái cũng như vậy.

Lại nữa, có A-la-hán tu Chỉ làm đầu tiên mà tiến vào Thánh đạo, có A-la-hán tu Quán làm đầu tiên mà tiến vào Thánh đạo; trước chỉ tu hai loại, sau tu đầy đủ ba loại. Lại nữa, có A-la-hán dùng Chỉ tu tâm dựa vào Quán đạt được giải thoát, có A-la-hán dùng Quán tu tâm dựa vào Chỉ đạt được giải thoát; trước chỉ tu hai loại, sau tu đầy đủ ba loại. Lại nữa, có A-la-hán đạt được Xa-ma-tha trong tâm mà cũng đạt được pháp quán về tuệ tăng thượng; trước chỉ tu hai loại, sau tu đầy đủ ba loại.

Lại nữa, như trong kinh nói: “Hai nhân-hai duyên có thể sinh ra Chánh kiến:

1. Bên ngoài nghe tiếng của người khác.
2. Bên trong tác ý đúng đắn.”

Nếu bên ngoài nghe tiếng của người khác mà tăng lên thì chỉ tu hai loại, nếu bên trong tác ý đúng đắn mà tăng lên thì tu đầy đủ ba loại.

Lại nữa, như trong kinh nói: “Có bốn pháp thì có nhiều việc làm:

1. Thân cận bậc Thiện sĩ.
2. Lắng nghe Chánh pháp.
3. Tác ý đúng như lý.

4. Pháp tùy pháp hành.” Hai pháp trước tăng mạnh thì chỉ tu hai, hai pháp sau tăng mạnh thì tu đầy đủ ba loại.

Lại nữa, người độn căn chỉ tu hai loại, người lợi căn tu đầy đủ ba loại. Như độn căn và lợi căn, lực của duyên-lực của nhân, lực của phần

bên ngoài-lực của phần bên trong, trí của nói-trí của nghe, nên biết cũng như vậy.

Lại nữa, nếu căn thiện không tham tăng mạnh thì chỉ tu hai loại, nếu căn thiện không si tăng mạnh thì tu đầy đủ ba loại.

Lại nữa, nếu dùng Diệt trí-Đạo trí trừ hết kiết của ba cõi thì chỉ tu hai loại, nếu dùng Khổ trí-Tập trí trừ hết kiết của ba cõi thì tu đầy đủ ba loại.

Lại nữa, nếu dùng Vô tướng-Đạo và Tam-ma-địa Vô nguyện trừ hết kiết của ba cõi thì chỉ tu hai loại, nếu dùng Không-Khổ-tập và Tam-ma-địa Vô nguyện trừ hết kiết của ba cõi thì tu đầy đủ ba loại.

Trong này, Thời ái tâm giải thoát A-la-hán, Định Kim cang dụ chỉ có một sát-na, Tận trí lược huyển vào trải qua thời gian dài nối tiếp nhau, từ Tận trí phát ra, hoặc là dấy khởi Chánh kiến Vô học, hoặc là dấy khởi tâm thế tục. A-la-hán Bất động tâm giải thoát, Định Kim cang dụ và Tận trí chỉ có một sát-na, Vô sinh trí lưu chuyển vào trải qua thời gian dài nối tiếp nhau, từ Vô sinh trí phát ra, hoặc là dấy khởi Chánh kiến Vô học, hoặc là dấy khởi tâm thế tục. Tất cả A-la-hán đều tu Chánh kiến Vô học trọn vẹn đầy đủ, mà không phải là tất cả đều hiện rõ ở trước mắt.

Hỏi: Tận trí và Vô sinh trí có gì sai biệt?

Đáp: Ngay tên gọi tức là sai biệt, nghĩa là loại này gọi là Tận trí, loại này gọi là Vô sinh trí. Lại nữa, nhân là Tận trí, quả là Vô sinh trí. Lại nữa, đã làm ra là Tận trí, nhân nuôi lớn và Vô sinh trí. Lại nữa, chưa được mà được-hoặc là đã được mà được là Tận trí, chỉ có chưa đạt được mà được là Vô sinh trí. Lại nữa, hoặc đạo giải thoát-hoặc là đạo thắng tiến thâm nhiếp là Tận trí, chỉ có đạo thắng tiến thâm nhiếp là Vô sinh trí. Lại nữa, dựa vào sự kiến lập năm loại chủng tánh A-la-hán là Tận trí, dựa vào sự kiến lập một loại chủng tánh A-la-hán là Vô sinh trí. Lại nữa, gồm chung lợi căn và độn căn đạt được là Tận trí, chỉ riêng lợi căn đạt được là Vô sinh trí. Đó gọi là sai biệt giữa Tận trí và Vô sinh trí.

Hỏi: Đầu tiên của Tận trí là trí nào?

Đáp: Có người đưa ra cách nói này: Là Khổ loại trí. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì các sư Du-già quán về quả của sinh tử mà tiến vào Thánh đạo, quán về quả của sinh tử đầy đủ Thánh đạo, như dùng mũi tên tẩm độc bắn vào các loại cầm thú, chất độc ấy ban đầu từ miệng vết thương đi vào, dần dần lan khắp toàn thân gây ra sự cố ngấm độc rồi, lúc chết lại từ miệng vết thương mà ra ngoài; Thánh đạo cũng như vậy.

Lại có người nói: Là Tập loại trí. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì các

sư Du-già quán về quả của sinh tử mà tiến vào Thánh đạo, quán về nhân của sinh tử đầy đủ Thánh đạo, tất cả sinh tử đều là quả do nhân thâm nhiếp, trước biết khắp về quả, sau biết khắp về nhân, thì con đường của sinh tử đoạn dứt không còn nối tiếp nhau nữa, gọi là giới hạn của Khổ.

Lời bình: Nên đưa ra cách nói này: Đầu tiên của Tận trí cũng là Khổ loại trí cũng là Tập loại trí, nếu dấy khởi Khổ loại trí thì lúc bấy giờ không dấy khởi Tập loại trí, nếu dấy khởi Tập loại trí thì lúc bấy giờ không dấy khởi Khổ loại trí.

Như trong kinh nói: “Các A-la-hán tự mình biết đúng như thật: Đời sống mình đã hết, phạm hạnh đã lập, những việc làm đã xong, không nhận lấy thân đời sau.”

Trong này, đời sống mình đã hết, nhưng mà các tên gọi về Sinh hiển bày nhiều loại nghĩa, đó là hoặc có tên gọi về Sinh hiển bày tiến vào thai mẹ, hoặc có tên gọi về Sinh hiển bày ra khỏi thai mẹ, hoặc có tên gọi về Sinh hiển bày phần vị của năm Uẩn, hoặc có tên gọi về Sinh hiển bày phần ít của Hành uẩn không tương ứng, hoặc có tên gọi về Sinh hiển bày bốn Uẩn của Phi tướng phi phi tướng xứ.

Hoặc có tên gọi về Sinh hiển bày tiến vào thai mẹ, như nói: Thế nào là sinh? Nghĩa là hết thủy hữu tình kia, ở trong hết thủy chúng đồng phần kia, sinh cùng nhau sinh, tiến vào dấy khởi-rời ra hiện rõ.

Hoặc có tên gọi về Sinh hiển bày ra khỏi thai mẹ, như nói: Bồ-tát mới sinh ra liền đi bảy bước. Hoặc có tên gọi về Sinh hiển bày ra khỏi thai mẹ, như nói: Bồ-tát mới sinh ra liền đi bảy bước. Hoặc có tên gọi về Sinh hiển bày phần vị của năm Uẩn, như nói: Hữu duyên Sinh. Hoặc có tên gọi về Sinh hiển bày phần ít của Hành uẩn không tương ứng, như nói: Thế nào là Sinh? Đó là các Uẩn dấy khởi. Hoặc có tên gọi về Sinh hiển bày bốn Uẩn của Phi tướng phi phi tướng xứ, như trong này nói: Đời sống mình đã hết.

Hỏi: Đây là hết thuộc đời sống nào, quá khứ, vị lai hay là hiện tại? Nếu hết thuộc về quá khứ, thì đời sống quá khứ đã diệt, đâu còn hết nữa? Nếu hết thuộc về đời sống vị lai, thì đời sống vị lai chưa đến, hết nơi nào? Nếu hết thuộc về đời sống hiện tại, thì đời sống hiện tại không dừng lại, đâu cần phải hết?

Đáp: Nên đưa ra cách nói này: Hết thuộc về đời sống ba đời. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì trong này tên gọi về Sinh đã hiển bày bốn Uẩn của Phi tướng phi phi tướng xứ, các sư Du-già quán tổng quát về bốn Uẩn thuộc ba đời của Phi tướng phi phi tướng xứ, là nhiệm của xứ

ấy, cho nên khiến nhân quả của Sinh đều không thể nào thành tựu.

Đại đức nói rằng: Nói là đời sống mình đã hết, như Đức Thế Tôn nói: Mâu-ni quán về Sinh không còn. Điều ấy cũng như vậy, cần phải đưa ra cách hỏi riêng biệt, mà nên đáp rằng: Không còn Sinh thuộc về vị lai. Bởi vì người tu hành thọ trì giới cấm, chịu khó tu phạm hạnh, đều vì ngăn chặn Sinh thuộc về đời vị lai làm cho không dấy khởi. Ví như có người có ba ách nạn:

1. Đã nhận chịu.
2. Đang nhận chịu.
3. Sẽ nhận chịu.

Những gì đã nhận chịu thì người ấy đã nhận chịu, cho nên không còn ngăn chặn nữa. Những gì đang chịu thì người ấy đang nhận chịu, cho nên không có thể ngăn chặn được. Những gì sẽ nhận chịu thì cần phải dùng tiền bạc của cải, hoặc là sức mạnh của bạn bè thân thích, hoặc là phương tiện khác, mà ngăn chặn ách nạn. Hành giả cũng như vậy, các đời sống thuộc về quá khứ đã diệt, cho nên không cần phải ngăn chặn; các đời sống thuộc về hiện tại thì đang tiếp nhận, cho nên không có thể ngăn chặn được; các đời sống thuộc về vị lai thì tu gia hạnh đích thực mà ngăn chặn nó khiến cho vĩnh viễn không sinh ra, cho nên nói là hết.

Phạm hạnh đã lập, nghĩa là hành vô lậu đã lập.

Hỏi: Là phạm hạnh về Học đã lập, hay là phạm hạnh về Vô học đã lập?

Đáp: Phạm hạnh về Học đã lập, không phải là phạm hạnh về Vô học. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì phạm hạnh về Vô học nay mới bắt đầu lập.

Những việc làm đã làm xong, là tất cả phiền não đều đã đoạn trừ, tất cả những việc làm đã đến nơi cuối cùng, tất cả những con đường đã ngăn chặn kỹ càng. Lại nữa, sinh lão bệnh tử thuộc các cõi-nêo-sinh loại đều hoàn toàn không còn, cho nên gọi là những việc làm đã xong.

Không nhận lấy thân đời sau, là hiển bày về Vô sinh trí.

Hỏi: Không phải là tất cả A-la-hán đều đạt được Vô sinh trí, vì sao bắt đầu trong các kinh, đều nói là A-la-hán không nhận lấy thân đời sau?

Đáp: Có người đưa ra cách nói này: Đức Phật ở trong kinh tùy theo có thì nói, mà người kết tập kèm chung vào đầu các kinh. Lại có người nói: Pháp kết tập thì đều có được công đức thù thắng như Nguyên trí-Vô ngại giải..., quán sát lúc Đức Thế Tôn thuyết giảng các kinh, chúng

A-la-hán nếu có Vô sinh trí, thì cũng nói vị ấy không nhận lấy thân đời sau; nếu không có Vô sinh trí, thì không nói vị ấy không nhận lấy thân đời sau. Về sau người tụng trì không khéo léo chọn lấy khác nhau, cho nên tụng chung ở đầu tất cả các kinh.

Tôn giả Diệu Âm đưa ra cách nói như vậy: “Các A-la-hán đều không có thân đời sau, cho nên nói chung là không nhận lấy thân đời sau, chứ không nói Vô sinh trí là không nhận lấy thân đời sau, cho nên không trái ngược nhau.”

Hiếp Tôn giả nói: “Nếu các phiền não chưa đoạn-chưa biết khắp, thì đều không nói là đời sống mình đã hết, phạm hạnh đã lập, những việc làm đã xong, không nhận lấy thân đời sau. Nếu các phiền não đã đoạn-đã biết khắp, thì đều nói chung là đời sống mình đã hết, cho đến không nhận lấy thân đời sau.”

Hỏi: Đời sống mình đã hết, cho đến không nhận lấy thân đời sau, mỗi một câu nên nói là thuộc trí nào?

Đáp: Có người đưa ra cách nói này: Đời sống mình đã hết là Tận trí, phạm hạnh đã lập-những việc làm đã xong-không nhận lấy thân đời sau là Vô sinh trí.

Hoặc có người nói: Đời sống mình đã hết-phạm hạnh đã lập là Tận trí, những việc làm đã xong-không nhận lấy thân đời sau là Vô sinh trí.

Lại có người nói: Đời sống mình đã hết-phạm hạnh đã lập-những việc làm đã xong là Tận trí, không nhận lấy thân đời sau là Vô sinh trí.

Hỏi: A-la-hán Bất thời giải thoát, bắt đầu dấy khởi Tận trí chỉ có một sát-na không gián đoạn, chắc chắn dấy khởi Vô sinh trí, hãy còn không có nghĩa hai sát-na Tận trí không gián đoạn dấy khởi Vô sinh trí, huống là có ba sát-na Tận trí về sau mới dấy khởi Vô sinh trí, tại sao nay nói đời sống mình đã hết-phạm hạnh đã lập-những việc làm đã xong là Tận trí, không nhận lấy thân đời sau là Vô sinh trí?

Đáp: Đối với tự tánh của Tận trí trong một sát-na, nghĩa nói là ba chứ không phải là ba sát-na, cho nên không trái với lý.

Hiếp Tôn giả nói: “Bốn câu trong này không nói đến Tận trí-Vô sinh trí, cũng không nói đến Chánh kiến Vô học, chỉ ca ngợi chung mà nói các A-la-hán thì tất cả đời sống không còn-phạm hạnh đã lập-những việc làm đã xong-không nhận lấy thân đời sau, bốn loại như vậy không có tự tánh riêng biệt.”

Có người nói: Trong này, đời sống mình đã hết là Tận trí, phạm

hạnh đã lập là Đạo trí, những việc làm đã xong là Diệt trí, không nhận lấy thân đời sau là Vô sinh trí.

Có người nói: Trong này, đời sống mình đã hết là Tập trí, phạm hạnh đã lập là Đạo trí, những việc làm đã xong là Diệt trí, không nhận lấy thân đời sau là Khổ trí.

Có người nói: Trong này, đời sống mình đã hết là biết khắp về Tập, phạm hạnh đã lập là biết khắp về Đạo, những việc làm đã làm xong là biết khắp về Diệt, không nhận lấy thân đời sau là biết khắp về Khổ.

Có người nói: Trong này, đời sống mình đã hết là quán về Tập, phạm hạnh đã lập là quán về Đạo, những việc làm đã xong là quán về Diệt, không nhận lấy thân đời sau là quán về Khổ.

Có người nói: Trong này, đời sống mình đã hết là chứng về Tập, phạm hạnh đã lập là chứng về Đạo, những việc làm đã xong là chứng về Diệt, không nhận lấy thân đời sau là chứng về Khổ.

Có người nói: Trong này, đời sống mình đã hết là đoạn về Tập, phạm hạnh đã lập là tu về Đạo, những việc làm đã xong là chứng về Diệt, không nhận lấy thân đời sau là biết về Khổ.

Có người nói: Trong này, đời sống mình đã hết rời bỏ nhân, phạm hạnh đã lập là đạt được đạo, những việc làm đã xong là chứng được quả, không nhận lấy thân đời sau là biết rõ sự việc.

Có người nói: Trong này, đời sống mình đã hết là Tập-Vô nguyện, phạm hạnh đã lập là Đạo-Vô nguyện, những việc làm đã xong là Diệt-Vô tướng, không nhận lấy thân đời sau là Khổ-Vô nguyện và Không.

Hỏi: Vì sai gọi là Tận trí, vì duyên không còn cho nên gọi là Tận trí hay vì dấy khởi trong thân không còn phiền não cho nên gọi là Tận trí? Giả sử như vậy thì có gì sai? Nếu duyên không còn cho nên gọi là Tận trí, thì Tận trí chỉ cần duyên với Diệt Thánh đế, không nên nói là trí này duyên với bốn Thánh đế? Nếu dấy khởi trong thân không còn phiền não cho nên gọi là Tận trí, thì Vô sinh trí và Chánh kiến Vô học cũng phải gọi là Tận trí, bởi vì hai loại ấy cũng dấy khởi trong thân không còn phiền não?

Đáp: Nên đưa ra cách nói này: Chỉ riêng dấy khởi trong thân không còn phiền não cho nên gọi là Tận trí.

Hỏi: Nếu như vậy thì Vô sinh trí và Chánh kiến Vô học cũng phải gọi là Tận trí?

Đáp: Nếu bắt đầu dấy khởi trong thân không còn phiền não và có khắp nơi thì mới gọi là Tận trí; Chánh kiến Vô học tuy đều có khắp nơi

mà không phải là bắt đầu dấy khởi; Vô sinh trí không phải là có khắp nơi, bởi vì Thời giải thoát thì không thành tựu, cũng không phải là bắt đầu dấy khởi, bởi vì nhất định phải sau Tận trí mới hiện rõ trước mắt.

Có người đưa ra cách nói này: Trí này duyên không còn cho nên gọi là Tận trí.

Hỏi: Trí này duyên với bốn Đế, lẽ nào một mình không còn duyên?

Đáp: Bởi vì hơn hẳn tất cả cho nên một mình nêu tên gọi của trí, nghĩa là trong bốn Đế thì Diệt đế là thù thắng nhất, bởi vì tánh của Niết-bàn, bởi vì là thiện-là thường, dựa vào đó kiến lập tên gọi của trí có năng lực duyên vào, cho nên gọi là Tận trí.

Hỏi: Có Tuệ vô lậu là bỏ mười sáu loại hành tướng Thánh hay không? Giả sử như vậy thì có gì sai? Nếu có thì trong luận Thức Thân vì sao không nói? Nếu không có thì luận Phẩm Loại Túc nên thông hiểu thế nào? Như nói: “Thế nào là Tận trí? Đó là Ta đã biết về Khổ, đã đoạn về Tập, đã chứng về Diệt, đã tu về Đạo.” Trí ấy trong mười sáu hành tướng do hành tướng nào thấu nhiếp? Lại nói: “Thế nào là Vô sinh trí? Đó là Ta đã biết về Khổ không còn biết nữa, cho đến ta đã tu về Đạo không còn tu nữa.” Trí ấy trong mười sáu hành tướng do hành tướng nào thấu nhiếp? Trong luận Tập Dị Môn lại làm sao thông hiểu? Như nói: “Ta đã hết Dục lậu-Hữu lậu Vô minh lậu là Tận trí, ba lậu ấy không còn khởi lên nữa là Vô sinh trí.” Trí ấy trong mười sáu hành tướng do hành tướng nào thấu nhiếp? Trong chương Kiến uẩn của luận này lại làm sao thông hiểu? Như nói: “Lúc cảm nhận Lạc thọ thì biết đúng như thật về cảm nhận Lạc thọ.” Loại này trong mười sáu hành tướng do hành tướng nào thấu nhiếp? Trong kinh đã nói lại thông hiểu thế nào? Như nói: “Đời sống mình đã hết, cho đến không nhận lấy thân đời sau.” Trí ấy trong mười sáu hành tướng do hành tướng nào thấu nhiếp?

Đáp: Nên đưa ra cách nói này: Là bỏ mười sáu hành tướng không có Tuệ vô lậu nào khác.

Hỏi: Nếu như vậy thì dễ dàng thông hiểu luận Thức Thân Túc, luận Phẩm Loại Túc nên thông hiểu thế nào?

Đáp: Ta đã biết về Khổ không còn biết nữa, là bốn hành tướng về Khổ; đã đoạn về Tập không còn đoạn nữa, là bốn hành tướng về Tập; Ta đã chứng về Diệt không còn chứng nữa, là bốn hành tướng về Diệt, Ta đã tu về Đạo không còn tu nữa, là bốn hành tướng về Đạo.

Hỏi: Trong luận Tập Dị Môn lại làm sao thông hiểu?

Đáp: Biết ba lậu không còn và không còn khởi lên nữa là sáu

hành tướng, đó là Khổ-vô thường và bốn hành tướng duyên với Tập.

Hỏi: Trong chương Kiến Uẩn của luận này lại làm sao thông hiểu?

Đáp: Ý kia không nói là biết cảm nhận Lạc thọ, chỉ nói về bốn hành tướng như biết Đạo chính là đạo...

Hỏi: Trong kinh đã nói nên thông hiểu thế nào?

Đáp: Bởi vì năm loại duyên cho nên đưa ra cách nói ấy:

1. Bởi vì gia hạnh.
2. Bởi vì đối trị.
3. Bởi vì tác sự.
4. Bởi vì tương tục.
5. Bởi vì Bồ-đặc-già-la.

Bởi vì gia hạnh, nghĩa là Sư Du-già trước lúc gia hạnh dấy lên ý niệm như vậy: Mình sẽ không còn tất cả các đời sống, cho đến mình sẽ không nhận lấy thân đời sau. Bởi vì đối trị, nghĩa là Sư Du-già tu pháp đối trị như vậy, khiến cho tất cả các đời sống không còn, cho đến khiến không nhận lấy thân đời sau. Bởi vì tác sự, nghĩa là Sư Du-già thực hiện sự việc như vậy, đó là không còn tất cả các đời sống cho đến không nhận lấy thân đời sau. Bởi vì tương tục, nghĩa là Sư Du-già đạt được sự nối tiếp nhau như vậy làm cho tất cả các đời sống không còn, cho đến không nhận lấy thân đời sau. Bởi vì Bồ-đặc-già-la, nghĩa là Bồ-đặc-già-la như vậy dễ thấy-dễ thi thiết, đó là tất cả các đời sống không còn, cho đến không nhận lấy thân đời sau. Bởi vì năm duyên này cho nên trong kinh nói như vậy: “Đời sống mình đã hết, cho đến không nhận lấy thân đời sau; không phải là trong pháp quán vô lậu có hành tướng như vậy, cần phải sau hai trí mới dấy khởi phân biệt này. Có người đưa ra cách nói này: cũng có Tuệ vô lậu là bỏ mười sáu hành tướng.

Hỏi: Nếu như vậy thì dễ dàng thông hiểu các luận như Phẩm Loại Túc..., trong luận Thức Thân tại sao không nói?

Đáp: Nếu các hành tướng hiện tại có tác dụng có thể làm được việc thù thắng, thì luận ấy nói đến; nếu không như vậy thì luận ấy không nói. Lại nữa, nếu các hành tướng có thể tiến vào Thánh đạo, đạt được quả-lìa nhiễm-không còn các lậu, thì luận ấy nói đến; nếu không như vậy thì luận ấy không nói. Lại nữa, nếu các hành tướng đều có bốn đạo là gia hạnh-vô gián-giải thoát-thắng tiến, thì luận ấy nói đến; hành tướng của Tuệ vô lậu khác, bởi vì chỉ thuộc về đạo gia hạnh xa và đạo thắng tiến xa có thể đạt được, cho nên luận ấy không nói.

Lời bình: Không có Tuệ vô lậu tách rời mười sáu hành tướng của

Thánh đạo.

Thế nào là Minh của Học? Cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra luận này?

Đáp: Vì muốn phân biệt về nghĩa trong kinh. Như trong kinh nói: “Đức Phật bảo với Cư sĩ: Như ông trước kia dùng trí của Học-kiến của Học-minh của Học để quán về bốn Thánh đế, nay Đồng tử Gia-xá này cũng dùng trí của Vô học-kiến của Vô học-minh của Vô học để quán về bốn Thánh đế, cho nên Đồng tử này quyết định không còn thích sống ở nhà, cất giữ các của cải tiền bạc, hưởng thụ năm thứ dục lạc nữa.” Trong kinh tuy nói ra như vậy, mà không phân biệt về nghĩa ấy; kinh là nơi nương tựa căn bản của luận này, điều gì trong kinh chưa nói thì nay cần phải nói đến.

Lại nữa, thế gian vọng chấp các loại bùa chú-sách luận, cho là minh thực sự, đó là minh về kỹ thuật, minh về sự việc, minh về loài vật, minh về chim muông, minh về Cù-lạp-tỳ, minh về Sát-ni-ca, minh về Kiên-đà-lê, minh về tinh tú, minh về loài quạ, minh về chim Khổng tước, minh về móc câu thuần phục voi, minh về bùa chú trị loài rồng-rắn, minh về lửa, minh về nước, minh về mê loạn..., và các sách luận ngoại đạo, thế gian đối với các loại này khởi lên tưởng là minh thực sự. Vì ngăn chặn ý đó, cần phải hiển bày về minh thực sự có nghĩa thù thắng riêng biệt, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Thế nào là minh của Học?

Đáp: Tuệ thuộc về Học, đó là Tuệ vô lậu của phần vị Học.

Hỏi: Thế nào là trí của Học?

Đáp: Tuệ thuộc về Vô học, đó là các Tuệ vô lậu của phần vị Vô học.

Hỏi: Thế nào là trí của Vô học?

Đáp: Tám trí thuộc về Vô học, đó là bốn Pháp trí-bốn Loại trí của phần vị Vô học.

Hỏi: Vì sao gọi là minh?

Đáp: Thông đạt và hiểu rõ ràng cho nên gọi là minh.

Hỏi: Nếu như vậy thì các Tuệ hữu lậu thiện cũng thông đạt và hiểu rõ ràng lẽ ra cũng gọi là minh?

Đáp: Nếu có thể thông đạt và hiểu rõ ràng mà cũng quyết trạch-hiện quán đối với bốn Thánh đế, thì mới gọi là minh; các Tuệ hữu lậu thiện tùy có thể thông đạt và hiểu rõ ràng, mà không có thể quyết trạch-hiện quán đối với bốn Thánh đế, cho nên không gọi là minh. Như Tuệ do thuận quyết trạch-hiện quán, chưa có thể quyết trạch-hiện quán về

Để hoàn toàn chân thật.

Lại nữa, nếu có thể thông đạt và hiểu rõ ràng, không vì do dự không biết gì và tà kiến làm cho tạp loạn, đoạn trừ kiến-nghi rồi không trở lại làm cho dấy khởi, không tăng thêm các quả báo về sinh lão bệnh tử, không phải là sự của Thân kiến, không phải là rơi vào Khổ-Tập, không tăng thêm vô minh, vĩnh viễn lìa bỏ phiền não ma vương quỷ sứ, thì mới gọi là minh. Các Tuệ hữu lậu thiện tuy có thể thông đạt và hiểu rõ ràng, mà không có những công đức khác, cho nên không gọi là minh.

Lại nữa, các Tuệ hữu lậu thiện, cùng liên quan đến hai phẩm, cho nên không gọi là minh, đó là cùng làm ba duyên cho minh và Vô minh. Như người và mình oán thù thân thiết liên quan đan xen nhau, không nhất định gọi là thân thiết.

Lại nữa, các Tuệ hữu lậu thiện đi cùng với sự bài bác về minh, là Khổ-Tập do phẩm thế gian thân nhiếp, cho nên không gọi là minh.

Hỏi: Nếu Tuệ hữu lậu thiện không gọi là minh, thì trong kinh đã nói nên thông hiểu thế nào? Như nói: “Có ba minh:

1. Trí Túc trú tùy niệm chứng minh về minh.
2. Trí tử sinh chứng về minh.

3. Trí lậu tận chứng về minh.” Một loại sau thì có thể như vậy, hai loại trước là thế nào?

Đáp: Hai loại trước cũng có tướng minh phần ít cho nên mượn gọi là minh, nghĩa là vì trái với phiền não, vì không xen tạp phiền não, vì thuận với thắng nghĩa về minh, vì dẫn đến minh vô lậu.

Vì vậy, Tôn giả Diệu Âm nói rằng: “Ở trong ba minh chỉ trí Lậu tận là thắng nghĩa về minh, hai trí còn lại có thể dẫn đến thắng nghĩa của minh, cho nên mượn mà thiết lập tên gọi của minh.”

Lại nữa, trí Túc trú tùy niệm chứng về minh, là thông đạt và hiểu rõ ràng về pháp của thời gian trước; trí Tử sinh chứng về minh, là thông đạt và hiểu rõ ràng về pháp của thời gian sau; trí Lậu tận chứng về minh, là thông đạt và hiểu rõ ràng về tánh của Niết-bàn, đều nói là minh.

Lại nữa, minh thứ nhất là biết về pháp lưu chuyển của thời gian trước, minh thứ hai là biết về pháp lưu chuyển của thời gian sau, minh thứ ba là biết về pháp hoàn diệt, đều nói là minh.

Lại nữa, minh thứ nhất là trừ bỏ không biết gì về thời gian trước, minh thứ hai là trừ bỏ không biết gì về thời gian sau, minh thứ ba là trừ bỏ không biết gì về Niết-bàn, đều nói là minh.

Lại nữa, minh thứ nhất là trừ bỏ ngu dốt về Uẩn, minh thứ hai là trừ bỏ ngu dốt về hữu tình, minh thứ ba là trừ bỏ ngu dốt về pháp, đều nói là minh.

Lại nữa, minh thứ nhất là biết về thời gian trước của các hữu tình, bởi vì nghiệp như vậy mà chết nơi kia-sinh nơi này, nhân quả nối tiếp nhau; minh thứ hai là biết về thời gian sau của các hữu tình, do nghiệp như vậy mà chết nơi này-sinh nơi kia, nhân quả nối tiếp nhau; minh thứ ba là biết về các hữu tình, nhờ vào đạo như vậy có thể không còn các lậu, ngăn cách đoạn dứt nhân quả. Chỉ một loại này là thắng nghĩa về minh, hai loại trước là minh thuộc về thế tục.

Lại nữa, ba minh như vậy đều có thể tùy thuận chán ngán rời bỏ sinh tử, đều có thể dẫn dắt phát sinh công đức thù thắng, đều có thể hưởng về Niết-bàn tuyệt đối, cho nên gọi là minh, mà minh thật sự thì chỉ là Tuệ vô lậu.

Hỏi: Vì sao trong sáu Thông thì ba loại thiết lập là Minh, ba loại không thiết lập là Minh?

Đáp: Thân cảnh trí chứng Thông như Công xảo xứ chuyển đổi, Thiên nhĩ trí chứng Thông chỉ có năng lực chọn lấy âm thanh, Tha tâm trí chứng Thông chỉ chọn lấy tự tướng chứ không có tác dụng thù thắng, cho nên không thiết lập làm Minh, ba loại Thông sau đều có tác dụng thù thắng cho nên thiết lập làm Minh. Tác dụng thù thắng, nghĩa là đều có thể tùy thuận hán ngán rời bỏ sinh tử, đều có thể dẫn dắt phát sinh công đức thù thắng, đều có thể hưởng về Niết-bàn tuyệt đối.

Hỏi: Vì sao ba loại Thông sau đều có tác dụng thù thắng này?

Đáp: Trí Túc trú tùy niệm chứng Thông thứ tư, thấy sự việc của thời gian trước sinh tâm chán ngán lia bỏ sâu sắc; trí Tử sinh chứng Thông thứ năm, thấy sự việc của thời gian sau sinh tâm rất chán ngán lia bỏ; trí Lậu tận chứng Thông thứ sáu, đã chán ngán lia bỏ rồi mừng rỡ vui với Niết-bàn. Vì vậy, ba Thông này đều có thể tùy thuận chán ngán rời bỏ sinh tử, cho đến đều có thể hưởng về Niết-bàn tuyệt đối.

Lại nữa, Thông thứ tư thấy sự việc suy tổn của chính mình ở thời gian trước, sinh tâm chán ngán lia bỏ sâu sắc; Thông thứ năm thấy sự việc suy tổn của người khác ở thời gian sau, sinh tâm hết sức chán ngán lia bỏ; Thông thứ sáu đã chán ngán lia bỏ rồi mừng rỡ vui với Niết-bàn. Vì vậy, ba Thông này đều có ba tác dụng thù thắng như trước.

Lại nữa, Thông thứ tư thấy các loại nối tiếp nhau của các Uẩn-Giới-Xứ ở thời gian trước, sinh tâm chán ngán lia bỏ sâu sắc; Thông thứ năm thấy các loại tan rã hư hoại của các Uẩn-Giới-Xứ ở thời gian sau,

sinh tâm hết sức chán ngán lia bỏ; Thông thứ sáu đã chán ngán lia bỏ rồi mừng rỡ vui với Niết-bàn. Vì vậy, ba Thông này đều có ba tác dụng thù thắng như trước.

Lại nữa, Thông thứ tư có thể trừ bỏ Thường kiến, Thông thứ năm có thể trừ bỏ Đoạn kiến, Thông thứ sáu đã lia bỏ hai bên mà an trú với Trung đạo, vì vậy ba Thông này đều có ba tác dụng thù thắng như trước.

Lại nữa, Thông thứ tư có thể dẫn dắt đến Không giải thoát môn, Thông thứ năm có thể dẫn đến Vô nguyện giải thoát môn, Thông thứ sáu có thể dẫn đến Vô tướng giải thoát môn, vì vậy ba Thông này đều có ba tác dụng thù thắng như trước.

Lại nữa, Thông thứ tư có thể dẫn đến Không giải thoát môn, Thông thứ năm có thể trừ bỏ Đoạn kiến, Thông thứ sáu đã lia bỏ hai bên mà an trú với Trung đạo, vì vậy ba Thông này đều có ba tác dụng thù thắng như trước.

Lại nữa, Thông thứ tư có thể dẫn đến Không giải thoát môn, Thông thứ năm có thể dẫn đến Vô nguyện giải thoát môn, Thông thứ sáu có thể dẫn đến Vô tướng giải thoát môn, vì vậy ba Thông này đều có ba tác dụng thù thắng như trước.

Bởi vì các loại nhân duyên như vậy, ba Thông đều có tác dụng thù thắng, cho nên trong sáu Thông chi thiết lập ba Thông sau làm Minh.

Trong luận Tập Dị Môn đưa ra cách như vậy: “Có ba loại Minh của Vô học:

1. Trí Túc trú tùy niệm chứng về Minh của Vô học, nghĩa là trí thuộc về Vô học nhận biết Hành-Hữu nối tiếp nhau của các hữu tình.

2. Trí Tử sinh chứng về Minh của Vô học, nghĩa là trí thuộc về Vô học nhận biết tự nghiệp hơn-kém của các hữu tình.

3. Trí Lậu tận chứng về Minh của Vô học, nghĩa là trí thuộc về Vô học nhận biết Lậu không còn.”

Hỏi: Trí Lậu tận chứng về Minh, là pháp Vô học cho nên có thể nói là trí thuộc về Vô học; hai Minh trước là pháp Phi học phi Vô học, làm sao có thể nói là trí thuộc về Vô học?

Đáp: Luận ấy nên đưa ra cách nói này: Có ba loại Minh của Vô học, lại nên nói là trí thuộc về Vô học. Nhưng mà không đưa ra cách nói này, thì nên biết là bởi vì dấy khởi trong thân Vô học; hai loại trước cũng gọi là Vô học, lược bỏ đi phần trung gian, như xe trâu ...

Như luận Thi Thiết nói: “Có hai loại Tam-ma-địa:

1. Thánh.

2. Không phải Thánh lại có ba loại:

- a. Hữu lậu thiện.
- b. Vô học.
- c. Vô phú vô ký.”

Trong này, Định hữu lậu thiện bởi vì thiện cho nên gọi là Thánh, không phải bởi vì vô lậu cho nên gọi là Thánh; nếu Định vô lậu bởi vì thiện và bởi vì vô lậu thì gọi là Thánh; Định vô phú vô ký tuy không phải là vì thiện-vì vô lậu mà gọi là Thánh, nhưng bởi vì dấy khởi trong thân Thánh giả, cho nên cũng gọi là Thánh. Ở đây cũng như vậy, bởi vì dấy khởi trong thân của bậc Vô học, cho nên cũng gọi là Vô học, và trí thuộc về Vô học.

Hỏi: Hai loại Minh trước thì bậc Học cũng có, tại sao chỉ thiết lập ở phần vị Vô học?

Đáp: Bởi vì nghĩa của Minh mạnh hơn ở phần vị Vô học, nghĩa là nếu nói về pháp hơn hẳn thì pháp Vô học là hơn hẳn chứ không phải là Học, nếu nói về Bồ-đặc-già-la hơn hẳn thì Bồ-đặc-già-la Vô học là hơn hẳn chứ không phải là Học.

Lại nữa, Minh thuộc về Vô học là hơn hẳn, bởi vì không xen tạp Vô minh; Minh thuộc về Học thì yếu kém, bởi vì xen tạp Vô minh, cho nên không thiết lập làm Minh.

Có bốn loại công đức thù thắng:

1. Thông.
2. Minh.
3. Lực.
4. Dẫn dắt.

Trí Lậu tận trong thân Như lai đầy đủ nghĩa của bốn loại, đó là trí Lậu tận chứng Thông, trí Lậu tận chứng Minh, trí Lậu tận về Lực, khuyên nhủ dẫn dắt. Trí Lậu tận của Độc giác và Thanh văn Vô học có nghĩa của ba loại, đó là trừ ra nghĩa của Lực, ba nghĩa còn lại nói như trước. Trí Túc trú tùy niệm và trí Tử sinh trong thân Như lai có nghĩa của ba loại, đó là trừ ra dẫn dắt, có đủ Thông-Minh và Lực. Độc giác và Thanh văn Vô học thì hai trí trước có nghĩa của hai loại, đó là Thông và Minh chứ không phải là Lực và dẫn dắt. Trong thân của bậc Học và dị sinh, thì hai trí trước chỉ có nghĩa của Thông, không có ba loại còn lại.

Có người đưa ra cách nói này: Trí Lậu tận trong thân A-la-hán Thời giải thoát chỉ có hai nghĩa, đó là Thông và dẫn dắt, chứ không phải là Lực-không phải là Minh; hai trí còn lại chỉ có một nghĩa, đó là Thông chứ không phải là loại nào khác.

Thần cảnh trí-Tha tâm trí, trong tất cả các thân đều chỉ có hai nghĩa, đó là Thông và dẫn dắt. Thiên nhĩ trí, trong tất cả các thân chỉ có một nghĩa, đó là Thông chứ không phải là loại nào khác.

Hỏi: Vì sao trong thân Như lai có trí thiết lập là Lực, các trí trong thân Thanh văn và Độc giác đều không thiết lập là Lực?

Đáp: Nghĩa về không có thể khuất phục-không có chướng ngại là nghĩa của Lực, các trí trong thân Thanh văn và Độc giác, hãy còn bị khuất phục vì không biết gì, và có chướng ngại, cho nên không gọi là Lực.

Từng nghe: “Đức Phật cùng với Tôn giả Xá-lợi-tử: Ông có thể quán xét những hữu tình này trong quá khứ đã từng làm bạn thân với ông ở nơi nào? Lúc ấy Xá-lợi-tử dùng trí Túc trú tùy niệm từ Tĩnh lực thứ nhất cho đến Tĩnh lực thứ tư mà quán xét, đều không thể nào thấy được, liền từ trong Định đứng dậy mà thưa với Đức Phật rằng: Định lực của con quán xét không thể nào thấy được. Đức Phật bảo với Xá-lợi-tử: Hữu tình như vậy, đã từng làm bạn thân với ông trước kia trong kiếp như vậy ở quá khứ, lúc ấy đã xa xăm không phải là cảnh giới của các Thanh văn-Độc giác, cho nên ông không biết.

Đức Phật lại vào một lúc khác cùng với Xá-lợi-tử kinh hành một nơi, lúc ấy có một người gặp phải duyên xấu mà chết, Đức Phật bảo với Xá-lợi-tử: Ông nên quán xét người ấy sẽ sinh vào nơi nào! Lúc ấy Xá-lợi-tử dùng Thiên nhãn từ Tĩnh lực thứ nhất cho đến Tĩnh lực thứ tư mà quán xét, đều không thể nào thấy được, liền từ trong Định đứng dậy mà thưa với Đức Phật rằng: Thiên nhãn của con quán xét không thể nào thấy được. Đức Phật bảo với Xá-lợi-tử: Người này mạng chung sinh vào thế giới ấy, nơi ấy đã xa xôi không phải là cảnh giới của các Thanh văn-Độc giác, cho nên ông không biết.”

Hỏi: Lộ tận của ba Thừa đã không có sai biệt, tại sao trí năng lược tận của hai Thừa không phải là Lực?

Đáp: Trí Lộ tận của Phật mạnh mẽ sắc bén thù thắng tuyệt vời, không phải là các Thanh văn-Độc giác mà sánh kịp, tuy cùng là Lộ tận mà có nhanh-chậm. Như có hai người, mỗi người chặt một cây, một người mạnh mẽ lại sử dụng cái rìu sắc bén, một người sức yếu lại sử dụng cái rìu cùn mòn, tuy cùng chặt cây mà có kẻ chậm-người nhanh. Vì vậy trí Lộ tận của Phật thiết lập là Lực chứ không phải là hai Thừa. Vả lại, trí của hai Thừa tuy có thể Lộ tận mà có tập khí còn sót lại, cho nên không gọi là Lực. Hơn nữa, trí Lộ tận thiết lập là Lực, không dựa vào khả năng trừ hết lộ của chính mình, mà chỉ dựa vào khả năng

làm cho thân người khác trừ hết lậu; nghĩa là Đức Phật khéo léo thông hiểu hữu tình như vậy cần phải dựa vào Thông hạnh chậm về Khổ thì sẽ được trừ hết lậu, cho đến hữu tình như vậy cần phải dựa vào Thông hạnh nhanh về Lạc thì sẽ được trừ hết lậu, từ đây phương tiện để nói về Chánh pháp, đều làm cho trừ hết lậu, cho nên thiết lập tên gọi của Lực. Hai Thừa thì không như vậy, cho nên không gọi là Lực

